

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2024

### GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM QUẢN LÝ ĐƯỜNG THỦY

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Trung tâm Quản lý Đường thủy trực thuộc Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3427/QĐ-SGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Sở Giao thông vận tải về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Quản lý Đường thủy trực thuộc Sở Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-SGTVT ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Sở Giao thông vận tải về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế toán Tài chính.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Công bố công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Trung tâm Quản lý Đường thủy (theo biểu mẫu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng Phòng Kế toán Tài chính và Trưởng các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở GTVT;
- Lưu: VT, KTTC\_Qh.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Tuấn



Đơn vị: Trung tâm Quản lý Đường thủy  
Chương: 421

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số  
90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm  
2018 của Bộ Tài chính

## DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 19 /QĐ-TTQLĐT ngày 16 / 01 /2024 của Trung tâm Quản lý Đường thủy)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>50,000</b>
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>	<b>50,000</b>
	<i>Lệ phí cấp GCN bảo đảm CLATKT đối với PT thủy nội địa</i>	<i>50,000</i>
<b>2</b>	<b>Phí</b>	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp</b>	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>50,000</b>
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>	<b>50,000</b>
	<i>Lệ phí cấp GCN bảo đảm CLATKT đối với PT thủy nội địa</i>	<i>50,000</i>
<b>2</b>	<b>Phí</b>	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>433.673,000</b>
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	<b>433.673,000</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	16.326,000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	417.347,000
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (kinh phí hoạt động không thường xuyên)</i>	<i>18.565,000</i>
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (kinh phí bảo trì KCHTGTĐT)</i>	<i>398.782,000</i>
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	-
<b>C</b>	<b>Dự toán thu chi hoạt động sự nghiệp và dịch vụ</b>	
<b>1</b>	<b>Dự toán thu</b>	<b>5.065,000</b>
<b>2</b>	<b>Dự toán chi ( bao gồm các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, trích tạo nguồn CCTL theo quy định...)</b>	<b>5.065,000</b>



Thu